

Bản án số: 396/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2020

V/v “tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phi L, sinh năm 1985, địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thanh H, sinh năm 1977, địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là ông Trần Phi L trình bày:

Ông quen biết bà Huỳnh Thanh H khi đến quán cà phê của bà H uống nước. Sau một thời gian thì hai bên đăng ký kết hôn vào đầu năm 2018 tại UBND Phường A, quận B, không tổ chức lễ cưới do gia đình hai bên không đồng ý. Khi đăng ký kết hôn, bà H hứa sẽ về nhà ông L chung sống, nhưng sau

đó không chịu về mà nhà ai nấy ở, ông cũng không biết lý do vì sao bà H không chịu về sống chung với ông. Do cả hai bên không sống chung nên cũng không còn tình cảm với nhau. Đã từ lâu hai bên không liên hệ gì với nhau, thỉnh thoảng ông có gọi điện thoại, nhưng cũng ít nói chuyện được vì bà H thường chặn số, hoặc gọi không nghe. Do hai quen nhau thời gian ngắn, tình cảm chưa nhiều và không sống chung nên không có sự gắn bó. Hiện nay ông cũng không còn tình cảm gì với bà H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông L khai không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có.

Bị đơn, bà Huỳnh Thanh H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu của ông L.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Phi L trình bày, ông và bà H quen biết nhau chỉ vài tháng thì đi đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Sau khi đăng ký kết hôn, do gia đình ông không đồng ý vì bà H lớn tuổi hơn ông nên hai bên không sống chung và cũng không gặp nhau, không liên lạc với nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Hiện ông và bà H không còn tình cảm gì với nhau nên ông vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Huỳnh Thanh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông L khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L khai không có.

Bị đơn, bà Huỳnh Thanh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của nguyên đơn, xét thấy giữa ông L và bà H không có thời gian sống chung, không có sự chia sẻ, gắn bó, tình cảm không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H nhiều lần không đến Tòa án để giải quyết. Hai bên không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn – ông Trần Phi L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là bà Huỳnh Thanh H. Theo xác minh của Công an Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Huỳnh Thanh H có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn là bà Huỳnh Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông L: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 27/TLKH-BS, ngày 07/01/2020 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của ông Trần Phi L và bà Huỳnh Thanh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông L trình bày trình bày, cả hai quen biết nhau một thời gian ngắn thì đi đến quyết định kết hôn. Tuy nhiên, do gia đình không đồng ý nên ông L và bà H không tổ chức lễ cưới mà chỉ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B Sau khi đăng ký kết hôn, do gia đình không đồng ý nên bà H không chung sống với ông mà mỗi người vẫn sống riêng tại nhà cha mẹ ruột của mình. Ông L có nhiều lần đề nghị bà H về sống chung nhưng bà H không đồng ý. Do vậy, từ ngày được cấp giấy chứng nhận kết hôn, hai người không sống chung với nhau nên theo thời gian tình cảm cũng không còn. Tòa án nhiều lần triệu tập bà H để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông L, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của ông L, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ sau khi đăng ký kết hôn vào tháng 01/2018 đến nay, hai bên không sống chung với nhau, không có sự gắn kết, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông L khai không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của ông Trần Phi L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, ông Trần Phi L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039858 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Trần Phi L:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phi L được ly hôn với bà Huỳnh Thanh H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Do ông Trần Phi L phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039858 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Ông Trần Phi L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- UBND Phường 12, Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy